

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 07**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐTTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương

trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (*sau đây gọi tắt là Chương trình*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

2. Sở, ban, ngành của tỉnh; các huyện, thành phố, xã (sau đây gọi tắt là cơ quan, địa phương) và các đơn vị quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước của Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các cơ quan, địa phương cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng và phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan, địa phương; phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ưu tiên phân bổ vốn hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu (*trừ các xã an toàn khu thuộc khu vực I, khu vực II, khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo các tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 128/2022/NQ-HĐND ngày 04/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2011-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình*), xã đạt dưới 15 tiêu chí.

4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

5. Bố trí vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan, địa phương để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Tăng cường quản lý, sử dụng và lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách, chương trình, đề án giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; giảm thiểu tình trạng đầu tư giàn trải, trùng lặp về phạm vi, đối tượng; tránh thất thoát lãng phí và phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2021 (chuyển sang thực hiện trong năm 2022)

Căn cứ số xã đạt và chưa đạt tiêu chí nông thôn mới tính đến hết năm 2021 để làm cơ sở xác định tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình, cụ thể:

1. Xã đặc biệt khó khăn phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021: Hệ số 4,0.
2. Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3
3. Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (bao gồm các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới để nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững): Hệ số 1,0.

Điều 5. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 - 2025

1. Tiêu chí, hệ số, căn cứ tính điểm phân bổ vốn theo đối tượng xã

Căn cứ số xã đạt và chưa đạt tiêu chí nông thôn mới tính đến hết năm 2021 (Trừ các xã đặc biệt khó khăn thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030) để làm cơ sở xác định tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình, cụ thể:

a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí, các xã an toàn khu chưa đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 5,0

b) Xã đạt từ 15-18 tiêu chí: Hệ số 3,0

c) Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0

2. Tiêu chí, hệ số, định mức phân bổ theo đối tượng đơn vị cấp huyện

a) Tiêu chí, hệ số, định mức phân bổ vốn cho 02 huyện (không bao gồm các huyện nghèo đã được phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ) để tập trung hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới thuộc kế hoạch thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Hệ số 20,0/huyện.

b) Đối với các đơn vị cấp huyện còn lại phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021 - 2025: Ủy

ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động bố trí vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện theo quy định.

Điều 6. Định mức phân bổ nguồn vốn

1. Căn cứ vào mục tiêu phấn đấu thực hiện Chương trình đến năm 2025 của tỉnh; tổng mức vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương; mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và điều kiện thực tế của tỉnh; tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách nhà nước để xác định định mức phân bổ vốn cho các xã, các huyện trên địa bàn tỉnh; bố trí vốn hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (theo Quyết định 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025);

2. Hỗ trợ thực hiện đầu tư các chương trình chuyên đề, gồm: Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; chuyển đổi số...;

3. Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình triển khai Chương trình.

Điều 7. Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Tổng vốn đối ứng từ nguồn vốn ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện) bố trí thực hiện Chương trình tối thiểu bằng tổng vốn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện Chương trình, trong đó:

1. Ngân sách tỉnh bố trí tối thiểu 40% tổng vốn đối ứng ngân sách địa phương.
2. Ngân sách cấp huyện bố trí tối thiểu 60% tổng vốn đối ứng ngân sách địa phương.

Điều 8. Huy động các nguồn lực

1. Ngân sách tỉnh: Hằng năm, ngoài nguồn vốn đối ứng cho Chương trình chủ động sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí vốn cho các xã, các huyện, thành phố thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu...

2. Ngân sách cấp huyện: Hằng năm, ngoài nguồn vốn đối ứng cho Chương trình chủ động sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí vốn cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu... theo lộ trình.

3. Huy động khác

a) Huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật) thông qua các chính sách thu hút đầu tư được sử dụng theo quy định của pháp luật đầu tư, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

b) Huy động nguồn đóng góp tự nguyện của người dân (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động), doanh nghiệp, tổ chức thực hiện Chương trình trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về thông tin số liệu, nội dung của Nghị quyết; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT;
- Vụ pháp chế Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐ + CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND (M).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình